



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒ ; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Giao thông vận tải; Chuyên ngành: Đường bộ

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Trịnh Đình Toán

2. Ngày tháng năm sinh: 26/4/1963; Nam ☒ ; Nữ ☐ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Thái Phúc, Huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố2): 2C4, TT Đại học Giao thông, Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện: CT2A-1107, Khu Đô thị mới Nghĩa Đô, Tổ dân phố Hoàng 25, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 0368420106

E-mail: trinhdinhtoan@tlu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng 11/1985 đến tháng 9/2001: Giảng viên, Bộ môn Đường bộ, Khoa Công trình, Trường Đại học Giao thông Vận tải Hà Nội.

Từ tháng 1/2002 đến tháng 2/2008: Nghiên cứu sinh tại Trường Đại học công nghệ Nanyang, Singapore.

Từ tháng 9/2008 đến tháng 12/2016: Chuyên gia (toàn thời gian) tham gia một số dự án xây dựng đường bộ, gồm Dự án Đường cao tốc Hà Nội – Hải Phòng và Đường cao tốc Nội Bài – Lào Cai.

Từ tháng 1/2017 đến nay: Giảng viên Bộ môn Công trình Giao thông, Khoa Công trình, Trường đại học Thủy Lợi.

Chức vụ: Hiện nay Giảng viên; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Tư vấn trưởng (Tư vấn giám sát, Dự án ĐCT Nội Bài – Lào Cai).

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Thủy Lợi.

Địa chỉ cơ quan: 175 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: (024) 3852 2201.

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Trường Đại học Công nghệ Giao thông Vận tải.

8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ: Trường Đại học Công nghệ Giao thông Vận tải.

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày ... tháng 11 năm 1988; số văn bằng: A04169; ngành: Xây dựng đường ô tô; chuyên ngành: Đường bộ; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường đại học Giao thông Vận tải.

- Được cấp bằng ThS ngày 6 tháng 8 năm 1999; số văn bằng:; ngành: Quy hoạch, chuyên ngành: Quy hoạch cơ sở hạ tầng; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại Học Stuttgart, Cộng Hoà Liên Bang Đức

- Được cấp bằng TS ngày 29 tháng 02 năm 2008; số văn bằng:; ngành: Giao thông; chuyên ngành: Kỹ thuật giao thông; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Công nghệ Nanyang , Singapore.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Thủy lợi.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Giao thông vận tải.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- (i). Xây dựng công trình đường bộ
- (ii). Dự báo và tổ chức giao thông đường bộ
- (iii). Tác động của giao thông đến phát triển đô thị

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) NCS bảo vệ thành công luận án TS;
 - Đã hướng dẫn (số lượng) 04 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
 - Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 02 cấp cơ sở;
 - Đã công bố (số lượng) 35 bài báo khoa học, trong đó 07 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
 - Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
 - Số lượng sách đã xuất bản 01, trong đó 01 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
 - Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:
15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):
16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Có phẩm chất đạo đức tốt, có sức khỏe tốt đảm bảo yêu cầu công việc
- Đủ tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, có bằng đại học, thạc sỹ và tiến sỹ phù hợp với ngành giảng dạy.
- Đã tham gia các chương trình đào tạo và bồi dưỡng sau đại học trong nước và nước ngoài.
- Đã tham gia các khóa bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm và các khóa khác.
- Có nhiều năm tham gia các dự án với kinh nghiệm thực tiễn phong phú, nâng cao chất lượng giảng dạy.
- Hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, tham gia giảng dạy chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sỹ, hướng dẫn và đánh giá luận văn thạc sỹ, tham gia biên soạn sách phục vụ đào tạo.
- Hoàn thành tốt các nhiệm vụ nghiên cứu và các đề tài nghiên cứu khoa học.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 21 năm 04 tháng, bao gồm 15 năm 10 tháng giảng dạy tại đại học Giao thông Vận tải và 05 năm 6 tháng tại Đại học Thủy lợi. Nếu không kể 2 năm tập sự (Quyết định số 86/TCCB ngày 11/3/1988 của Hiệu trưởng Trường Đại học GTVT kèm theo) thì tổng thời gian biên chế là 19 năm 04 tháng.
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học (a)	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/ BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2016- 2017			3	3ĐA	30	90	120/408/202.5 ^(b)
2	2017- 2018				17ĐA	270	30	300/709/270
3	2018- 2019			1	18ĐA	183	30	213/649/270
03 năm học cuối								
4	2019- 2020				8ĐA	345	60	405/639/270
5	2020- 2021				16ĐA	377	60	437/803/270
6	2021- 2022			1	12ĐA	255	60	315/620/280

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

(a) Về khối lượng thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, xin tham khảo thêm xác nhận của Trường Đại học Giao thông Vận tải (Mẫu số 2).

(b) Năm học 2016-2017: Học kỳ 1 ứng viên là giảng viên thỉnh giảng của Đại học Công nghệ GTVT, Học kỳ 2 là giảng viên cơ hữu của Đại học Thủy lợi. Theo Khoản 3 Điều 4 của Quyết định 37/2018/QĐ-TTg giờ chuẩn định mức của giảng viên thỉnh giảng là 50% theo định mức quy định tại Thông tư 47/2014/TT-BGDĐT (270 giờ/năm). Vậy số giờ chuẩn định mức của năm học 2016-2017 được tính bằng Định mức HK1 + Định mức HK2 = 50%*1/2*(270) + 1/2*(270) = 202.5 giờ.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Học ĐH ☐; Tại nước:; Từ năm đến năm

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
- Bảo vệ luận văn ThS ☒ tại nước CHLB Đức năm 1999.

- Bảo vệ luận án TS ☒ tại nước Singapore năm 2007.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☒

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Chương trình Tiên tiến, Trung tâm Đào tạo quốc tế, trường Đại học Thủy Lợi.

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):): Đào tạo Tiến sỹ và Thạc sỹ ở nước ngoài (bằng tiếng Anh)

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH /CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH /CK2/ BSNT	Chính	Phụ			
1	Phạm Văn Tam		X	X		2016-2017	Trường Đại học công nghệ GTVT	27/4/2018
2	Tạ Quang Vĩnh		X	X		2016-2017	Trường Đại học công nghệ GTVT	27/4/2018
3	Nguyễn Văn Tuyền		X	X		2016-2017	Trường Đại học công nghệ GTVT	18/3/2019
4	Nguyễn Văn Sơn		X	X		2018-2019	Trường Đại học công nghệ GTVT	QĐ cấp bằng số: 5126/QĐ-ĐHCN GTVT ngày 29/10/2019

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						

1	Giáo trình Đánh giá dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông	GT	Nhà Xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, năm 2020	3	PGS.TS. Đào Văn Đông	Chương 1, 2, 3 (Từ trang 1 đến trang 152).	Quyết định xuất bản số 82/QĐ- KHTNCN, Quyết định phê duyet giáo trình số 3459/QĐ- ĐHCNGTVT, ISBN: 978-604- 9955-53-2
---	--	----	--	---	----------------------------	---	--

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [0],.....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN /TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
...					
II	Sau khi được công nhận PGS/TS				
1	ĐT: Nghiên cứu một số vấn đề kỹ thuật chủ yếu trong đánh giá tác động giao thông các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng ở Việt Nam.	CN	Cấp cơ sở (Hợp đồng số 240/HĐ-ĐHTL)	1/2019-12/2019	Phiếu đánh giá kết quả đề tài ngày 13/1/2020, xếp loại Khá
2	ĐT: Nhận dạng và phân loại các rủi ro kỹ thuật điển hình trong một số dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông đường bộ ở Việt Nam những năm gần đây.	CN	Cấp cơ sở (Hợp đồng số 37/HĐ-ĐHTL)	1/2020-12/2020	Biên bản đánh giá kết quả đề tài ngày 31/12/2020, xếp loại Tốt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I Trước khi được công nhận PGS/TS								
1	Development of a rule-based system for congestion management	2	X	Transportation Research Board 84th Annual Meeting			Paper No. 05-2752 (CD-ROM)	1/2005
2	Land transport policy and public transport in Singapore	2		Transportation/ ISSN 0049-4488. DOI: https://link.springer.com/article/10.1007/s11116-005-3049-z	SCIE/ SSCI. Q1, IF = 6.052 (Five-year impact factor, 2020)		Vol 33, Issue 2, 171-188).	3/2006
II Sau khi được công nhận PGS/TS								
3	Áp dụng lý thuyết logic mờ hỗ trợ việc quyết định giải pháp xử lý nền đất yếu	1	X	Tạp chí Cầu Đường Việt Nam/ ISSN 1859-459X			Số 8, 40-44	8/2014
4	Một số ý kiến về việc xác định vận tốc lưu hành tối đa cho phép trên đường cao tốc	1	X	Tạp chí Cầu Đường Việt Nam/ ISSN 1859-459X			Số 10, 35-39	10/2014
5	Các vấn đề về giao thông dự kiến của đoạn Yên Bái – Lào Cai và giải pháp, đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai	1	X	Tạp chí Giao thông vận tải/ ISSN 2354-0818			Số 9, 55-59	9/2014
6	Đánh giá sơ bộ một số yếu tố hình học trong thiết kế kỹ thuật của dự án đường cao tốc Nội Bài – Lào Cai	1	X	Tạp chí Cầu Đường Việt Nam/ ISSN 1859-459X			Số 1+2, 46-51	2/2015

7	Thiết kế thoát nước mặt đường dài phân cách giữa trên đường cao tốc	1	X	Tuyển tập HNKH Thủy Lợi toàn quốc 2017/ ISBN: 978-604-82-2273-4			Trang 13-15	11/2017
8	Application of fuzzy logic for decision support in selection of soft soil improvement solutions	1	X	International Symposium on Lowland Technology 2018/ ISBN: 978-604-2-2483-7			Trang 1-8	9/2018
9	Assessment of effectiveness of ground improvement methods, Ha Noi - Hai Phong Expressway Project	2	X	International Symposium on Lowland Technology 2018/ ISBN: 978-604-2-2483-7			Trang 1-9	9/2018
10	Acceptance criteria on compaction degree of asphalt concrete pavement	1	X	The Transport Journal (International Conference on Sustainability in Civil Engineering ICSCE 2018)/ ISSN 2354-0818			Trang 172-175	11/2018
11	Managing traffic congestion in a city: a study of Singapore's experiences	1	X	The Transport Journal (International Conference on Sustainability in Civil Engineering ICSCE 2018)/ ISSN 2354-0818			Trang 176-182	11/2018
12	Overloading and selection of standard axel load in pavement design	1	X	The Transport Journal (International Conference on Sustainability in Civil Engineering ICSCE 2018)/ ISSN 2354-0818			Trang 183-186	11/2018
13	Quản lý nhu cầu giao thông - hướng giải pháp chủ đạo trong quản lý ùn tắc giao thông	1	X	Tuyển tập hội nghị Khoa học Thường Niên năm 2018/ ISBN-978-604-82-2548-3.			Trang 109-111	11/2018

14	Đánh giá tác động giao thông các dự án phát triển cơ sở hạ tầng trong quản lý ùn tắc	1	X	Tuyển tập hội nghị Khoa học Thường Niên năm 2018/ ISBN-978-604-82-2548-3			Trang 112-114	11/2018
15	Một số thách thức chủ yếu trong đánh giá tác động giao thông tại các nước đang phát triển	1	X	Tuyển tập Hội nghị Khoa học Thường Niên năm 2019. ISBN: 978-604-82-2981-8			Trang 101-103	11/2019
16	Nghiên cứu khía cạnh pháp lý về đánh giá tác động giao thông các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng ở Việt Nam	1	X	Tuyển tập Hội nghị Khoa học Thường Niên năm 2019. ISBN: 978-604-82-2981-8			Trang 125-127	11/2019
17	Transit-oriented development in context of Hanoi urban development	1	X	Tuyển tập Hội nghị Khoa học Thường Niên năm 2019. ISBN: 978-604-82-2981-8			Trang 104-106	11/2019
18	Traffic impact assessment of infrastructure development projects for sustainable urban growth	2	X	CIGOS 2019, Innovation for Sustainable Infrastructure/ ISBN: 978-981-15-0802-8. Lecture Notes in Civil Engineering book series/ ISSN 2366-2557. https://doi.org/10.1007/978-981-15-0802-8_148	Thuộc danh mục Scopus		Vol. 54, 927-932	11/2019
19	Integrated transport planning for sustainable urban development - Singapore's approach and lessons for Vietnam	2	X	CIGOS 2019, Innovation for Sustainable Infrastructure/ ISBN: 978-981-15-0802-8. Lecture Notes in Civil Engineering book series/ ISSN 2366-2557. https://doi.org/10.1007/978-981-15-0802-8_151	Thuộc danh mục Scopus		Vol. 54, 947-952	11/2019

20	Transitioning different stages of transport planning in urban areas: experiences of Singapore and Vietnam	3		CIGOS 2019, Innovation for Sustainable Infrastructure/ ISBN: 978-981-15-0802-8. Lecture Notes in Civil Engineering book series/ ISSN 2366-2557. https://doi.org/10.1007/978-981-15-0802-8_152	Thuộc danh mục Scopus		Vol. 54, 953-958	11/2019
21	Phân tích chi phí – lợi ích với vai trò hỗ trợ việc ra quyết định đầu tư các dự án	3	X	Tuyển tập Hội nghị Khoa học Thường Niên năm 2020/ ISBN: 978-604-82-3869-8.			132-134	11/2020
22	Một số bất định về kỹ thuật của dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông	1	X	Tuyển tập Hội nghị Khoa học Thường Niên năm 2020/ ISBN: 978-604-82-3869-8.			135-137	11/2020
23	Support Vector Machine for short-term traffic flow prediction and improvement of its model training using nearest neighbor approach	2	X	Transportation Research Record: Journal of the Transportation Research Board/ ISSN 0361-1981. https://doi.org/10.1177/0361198120980432	SCIE. Q2, IF (2021) = 1.56		Vol. 2675, Issue 4, 362–373	1/2021
24	Fuzzy-based quantification of congestion for traffic control	1	X	Transport and Communications Science Journal / ISSN 1859-2724			Vol 72, Issue 1, 1-8	1/2021
25	Fuzzy logic-based methodology for quantification of traffic congestion	2	X	PHYSICA A-Statistical Mechanics and its Applications/ ISSN 0378-4371. https://doi.org/10.1016/j.physa.2021.125784	SCIE. Q2, IF (2022) = 3.263		Volum e 570, 125784 , 1-15	5/2021

26	Transit-Oriented Development for Hanoi sustainable urban development	1	X	CIGOS 2021, Emerging Technologies and Applications for Green Infrastructure/ ISSN 2366-2557. Lecture Notes in Civil Engineering Vol 203/ ISBN 978-981-16-7159-3. https://doi.org/10.1007/978-981-16-7160-9_147	Thuộc danh mục Scopus		Vol 203, 1457-1465	10/2021
27	Value-add application of plastic waste in porous asphalt mixture	3		CIGOS 2021, Emerging Technologies and Applications for Green Infrastructure/ ISSN 2366-2557. Lecture Notes in Civil Engineering Vol 203/ ISBN 978-981-16-7159-3. https://doi.org/10.1007/978-981-16-7160-9_97	Thuộc danh mục Scopus		Vol 203, 957-965	10/2021
28	Smart planning and management solutions for smart mobility	1	X	CIGOS 2021, Emerging Technologies and Applications for Green Infrastructure/ ISSN 2366-2557. Lecture Notes in Civil Engineering Vol 203/ ISBN 978-981-16-7159-3. https://doi.org/10.1007/978-981-16-7160-9_141	Thuộc danh mục Scopus		Vol 203, 1397-1405	10/2021
29	Effects of variability in thickness and elastic modulus on the reliability of flexible pavement structural performance	4	X	International Journal of Pavement Engineering/ ISSN 1029-8436. https://doi.org/10.1080/10298436.2022.2039923	SCIE, Q1, IF (2020) = 4.139		Pages 1-16	2/2022

30	Multi-stage fuzzy logic controller for expressway traffic control during incidents	4	X	Journal of Transportation Engineering Part A- Systems, ISSN 2473-2893. https://ascelibrary.org/doi/10.1061/JTEPBS.0000679	SCIE, Q2, IF (2021) = 1.774		Vol 148, Issue 6, 1-14	6/2022
31	Short-term travel-time prediction using support vector machine and nearest neighbor method	4	X (Corre. Author)	Transportation Research Record: Journal of the Transportation Research Board/ ISSN 0361-1981. https://journals.sagepub.com/doi/10.1177/03611981221074371	SCIE. Q2, IF (2021) = 1.56		Pages 1-13	3/2022
32	Development and validation of a driving simulator for traffic control using field data	4	X	PHYSICA A- Statistical Mechanics and its Applications/ ISSN 0378-4371. https://doi.org/10.1016/j.physa.2022.127201	SCIE. Q2, IF (2022) = 3.263		Vol 596, 127201, 1-18	3/2022
33	Nhận dạng và phân loại các rủi ro kỹ thuật của dự án đầu tư xây dựng đường bộ sử dụng cấu trúc các hạng mục công việc	1	X	Tạp chí Khoa học Giao thông vận tải/ ISSN: 1859-2724.			Tập 73, Số 3, 215-230	04/2022
34	A fuzzy-based methodology for anticipating trend of incident traffic congestion on expressways	1	X	Transport and Communications Science Journal/ ISSN 1859-2724. https://doi.org/10.47869/tcsj.73.4.2			Vol. 73, Issue 4, 357-372	05/2022
35	Phân tích rủi ro dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông sử dụng mô phỏng Monte Carlo	1	X	Tạp chí Giao thông vận tải/ ISSN 2354-0818			Pages 64-67	6/2022

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 6 bài thuộc danh mục SCIE, gồm các bài [23], [25], [29], [30], [31], [32], và 6 bài đăng trên các tuyển tập hội nghị thuộc danh mục Scopus, bao gồm các bài [18], [19], [20], [26], [27], [28].

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
...							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
...						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:
- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 18 tháng 06 năm 2022

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Trịnh Đình Toán

